

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục giao dịch quanh ngưỡng 1,280 trong ngày hôm nay trước khi đóng cửa tại mốc 1,283.56 điểm, gần như đi ngang so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 13/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dầu khí dẫn đầu đà tăng, ngoài ra ngành Hóa chất, Bán lẻ,... cũng có phiên giao dịch tích cực. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng hơn hai nghìn tỷ đồng trên sàn HSX và mua ròng nhẹ trên sàn HNX. VN-Index vẫn đang cho thấy trạng thái giằng co tại ngưỡng kháng cự 1,285. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng, nếu VN-Index không giữ được ngưỡng này, có khả năng chỉ số sẽ lùi về 1,260.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 08/07/2024, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+0.52** điểm, đóng cửa tại **1283.56** điểm. HNX-Index **+0.84** điểm, đóng cửa tại **243.15** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GVR (+1.44)**, **PLX (+0.85)**, **MWG (+0.52)**, **DCM (+0.36)**, **FPT (+0.33)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.10)**, **VIC (-0.93)**, **SAB (-0.49)**, **VHM (-0.48)**, **BID (-0.42)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **17,513** tỷ đồng, tăng **14.79%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 19,854 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 9.46 điểm. Thị trường có **243** mã tăng, **48** mã tham chiếu, **214** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-2317.51** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HDB (-501.51 tỷ)**, **FPT (-263.13 tỷ)**, **STB (-246.72 tỷ)**, **SAB (-195.98 tỷ)**, **MWG (-184.68 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **0.15** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.45%**. Các mã diễn biến tích cực: **DCM (+6.93%)**, **POW (+3.08%)**, **MWG (+2.13%)**.
- BSC50 **+0.73%**. Các mã diễn biến tích cực: **CSV (+6.98%)**, **PLX (+5.80%)**, **GVR (+3.99%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.45%	0.73%	0.04%	-0.03%
1 tuần	2.53%	1.61%	2.27%	2.39%
1 tháng	-0.24%	0.72%	0.04%	-0.34%
3 tháng	7.63%	4.74%	3.08%	5.05%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,283.56	243.15	98.58
% 1D	0.04%	0.35%	0.33%
GTGD (tỷ VND)	17,513	1,359	1,116
%1D	14.79%	16.87%	13.49%
GDNN (tỷ VND)	-2317.51	0.15	-161.63

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	116.67	HDB	-501.51
DCM	81.95	FPT	-263.13
NLG	36.59	STB	-246.72
FRT	34.27	SAB	-195.98
TPB	25.93	MWG	-184.68

Thị trường thế giới

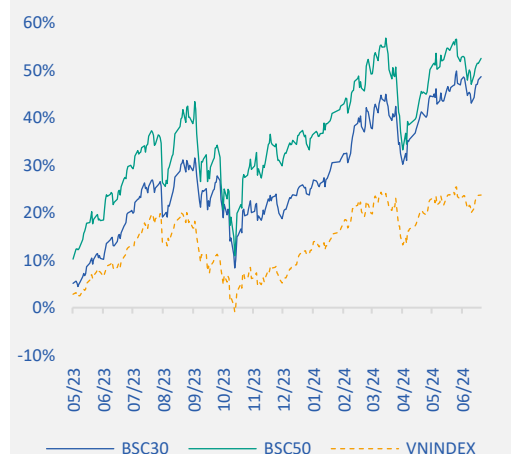
	%D	%W	
SPX	5,567	0.54%	1.54%
FTSE100	8,214	0.12%	0.58%
Eurostoxx	5,019	0.89%	1.79%
Shanghai	2,922	-0.93%	-2.41%
Nikkei	40,868	-0.06%	3.19%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	86.18	-0.42%
Giá vàng	2,389	0.00%
Tỷ giá		
USD/VND	25,455	-0.01%
EUR/VND	28,271	-0.01%
JPY/VND	158	0.22%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	2.8%	-0.06%
LS LNH 1M	4.6%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



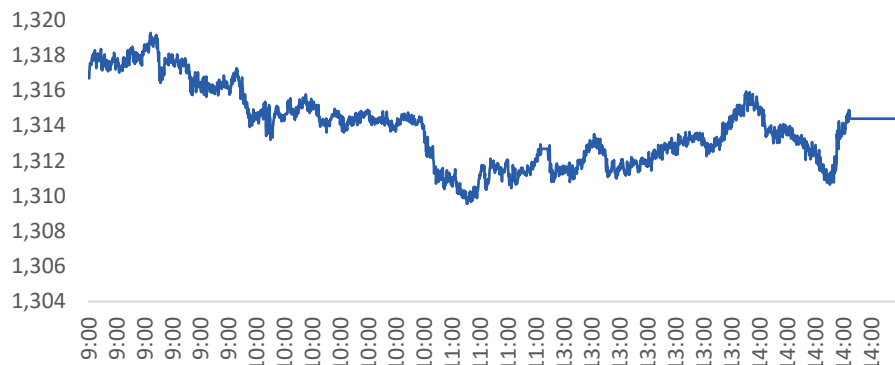
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2409	1311	-0.63%	64	-8.57%	9/19/2024	73
VN30F2412	1316.9	-0.27%	26	-67.5%	12/19/2024	164
VN30F2407	1314	-0.17%	180789	-6.78%	7/18/2024	10
VN30F2408	1314.7	-0.24%	361	-38.29%	8/15/2024	38

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -0.35 điểm, đóng cửa tại 1315.83 điểm. Biên độ dao động 9.72 điểm. Các cổ phiếu như VIC, VHM, VCB, VPB, VRE tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 kết phiên dưới tham chiếu. Thanh khoản thị trường dưới ngưỡng MA20 cho thấy tâm lý thận trọng vẫn tiếp tục bao trùm thị trường. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều giảm. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2407,

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CMWG2310	8/5/2024	28	437,300	-71.34%	5.45	2,750	13.2%	12.31	19.20	67.00	67.00
CMWG2313	8/9/2024	32	181,100	-65.85%	5.00	2,980	7.6%	10.34	22.88	67.00	67.00
CPOW2315	1/6/2025	182	183,100	-69.93%	1.35	1,590	7.4%	6.87	4.53	15.05	15.05
CMWG2316	8/23/2024	46	68,800	-63.28%	4.80	3,300	7.1%	10.37	24.60	67.00	67.00
CMWG2314	1/9/2025	185	1,341,300	-62.99%	5.20	1,960	5.4%	6.19	24.80	67.00	67.00
CTCB2307	8/5/2024	28	200	-19.77%	3.30	4,000	5.3%	5.20	18.81	23.45	23.45
CMWG2318	7/22/2024	14	138,300	-56.12%	4.20	4,200	5.0%	10.47	29.40	67.00	67.00
CFPT2310	8/5/2024	28	13,300	-38.60%	8.45	9,770	2.7%	16.59	85.71	139.60	139.60
CHPG2342	11/21/2024	136	91,500	-62.76%	2.18	940	2.2%	2.93	10.73	28.80	28.80
CACB2304	9/25/2024	79	21,200	-70.00%	1.93	2,120	1.0%	8.86	7.28	24.25	24.25
CFPT2317	11/21/2024	136	62,600	-49.68%	10.10	4,010	0.3%	8.65	70.25	139.60	139.60
CVIB2306	8/23/2024	46	67,700	-66.50%	1.61	2,930	-0.3%	10.44	7.14	21.30	21.30
CFPT2313	8/9/2024	32	118,200	-48.35%	10.00	6,210	-0.5%	12.96	72.10	139.60	139.60
CFPT2314	1/9/2025	185	90,800	-45.06%	10.00	6,670	-0.6%	12.98	76.70	139.60	139.60
CMBB2315	1/9/2025	185	588,300	-69.31%	1.96	1,280	-0.8%	5.31	6.97	22.70	22.70
CACB2306	7/22/2024	14	209,800	-68.89%	1.85	2,260	-0.9%	8.89	7.54	24.25	24.25
CFPT2316	7/22/2024	14	5,000	-38.32%	8.20	7,790	-1.4%	13.14	86.10	139.60	139.60
CTCB2312	7/15/2024	7	100	-23.12%	3.16	5,110	-2.5%	6.97	18.03	23.45	23.45
CTCB2310	10/9/2024	93	486,600	-27.62%	3.39	1,750	-3.8%	2.59	16.97	23.45	23.45
CTCB2309	9/25/2024	79	17,700	-30.93%	3.39	4,400	-4.1%	6.91	16.20	23.45	23.45

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 08/07/2024, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CMWG2310 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 13.17%. CMWG2314 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.39%.
- CTCB2307, CTCB2312, CTCB2310, CTCB2309, và CFPT2316 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2310, CFPT2318, CMWG2401, CMWG2404, và CVNM2404 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
MWG	67.00	2.13%	1.75
FPT	139.60	0.65%	1.03
HPG	28.80	0.52%	0.50
PLX	46.50	5.80%	0.36
VNM	67.60	0.60%	0.35

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	40.40	-2.42%	-1.17
VHM	38.00	-1.17%	-0.61
VCB	87.20	-0.91%	-0.51
VPB	19.05	-0.52%	-0.49
VRE	20.30	-2.40%	-0.46

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GVR	36.50	3.99%	1.44	4.00
PLX	46.50	5.80%	0.85	1.27
MWG	67.00	2.13%	0.52	1.46
DCM	40.10	6.93%	0.36	0.53
FPT	139.60	0.65%	0.33	1.46

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBS	33.90	3.35%	0.36	0.44
IDC	62.00	1.64%	0.24	0.33
LAS	25.80	9.79%	0.20	0.11
DTK	13.90	2.96%	0.20	0.68
NTP	57.20	3.25%	0.17	0.13

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CSV	36.00	6.98%	0.07	2.37
TVS	24.55	6.97%	0.07	1.35
GEG	15.40	6.94%	0.09	3.09
YEG	9.86	6.94%	0.02	5.21
DCM	40.10	6.93%	0.36	17.25

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TTL	11.10	9.90%	0.19	2.29
LAS	8.90	9.88%	0.14	0.22
SDC	25.80	9.79%	1.08	2.98
KMT	7.90	9.72%	0.01	0.00
BXH	10.40	9.47%	0.04	0.01

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	87.20	-0.91%	-1.10	5.59
VIC	40.40	-2.42%	-0.93	3.82
SAB	56.40	-2.76%	-0.49	1.28
VHM	38.00	-1.17%	-0.48	4.35
BID	47.00	-0.63%	-0.42	5.70

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVI	56.80	-1.73%	-0.17	0.23
SHS	17.40	-1.14%	-0.12	0.81
PTI	31.60	-4.53%	-0.08	0.08
NTH	54.90	-10.00%	-0.04	0.01
PIC	26.10	-6.79%	-0.04	0.03

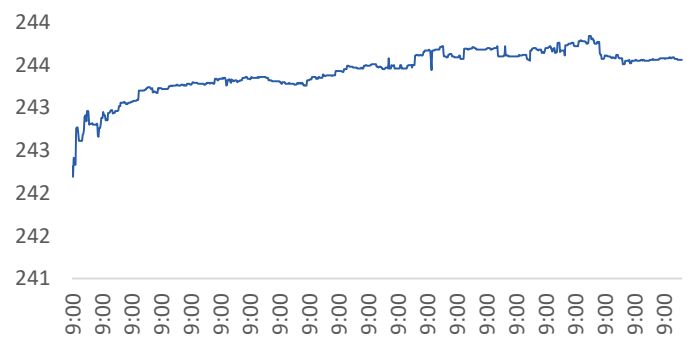
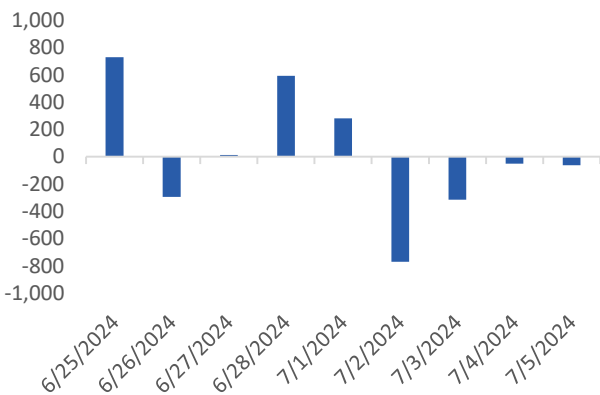
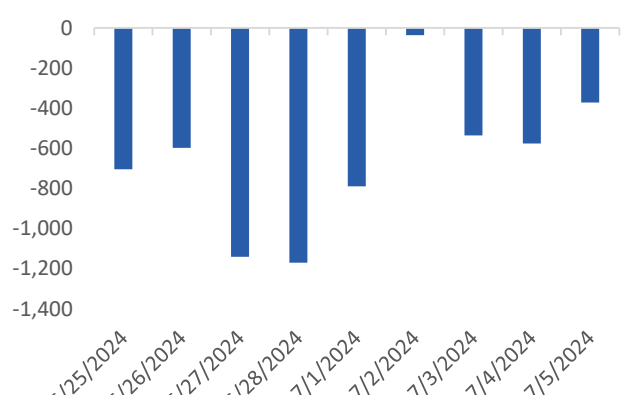
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TV2	37.65	-6.92%	-0.04	0.46
DXS	6.59	-6.92%	-0.06	6.81
TIX	33.05	-6.90%	-0.02	0.00
TNC	39.20	-6.89%	-0.01	0.86
SMA	9.80	-6.67%	0.00	0.02

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BST	14.00	-9.68%	-0.01	0.04
SDU	17.90	-9.60%	-0.13	0.01
SFN	19.00	-9.52%	-0.02	0.00
KST	12.60	-9.35%	-0.03	0.00
SGH	40.30	-9.23%	-0.17	0.01

Hình 1
HSX-Index Intraday

Hình 2
HNX-Index Intraday

Hình 3
Giao dịch tự doanh

Hình 4
Giao dịch khối ngoại


Nguồn: FiinProX, BSC Research

Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	87.2	-0.90%	0.6	19,336	4.0	5,838	14.9	-	23.2%	Link
BID	Ngân hàng	47.0	-0.60%	1.1	10,630	3.7	3,841	12.2	-	17.1%	Link
VPB	Ngân hàng	19.0	-0.50%	1.0	5,996	12.2	1,397	13.6	-	26.8%	Link
TCB	Ngân hàng	23.4	-0.20%	1.1	6,554	6.2	5,600	4.2	-	22.2%	Link
MBB	Ngân hàng	22.7	-0.40%	1.0	4,779	6.3	3,818	5.9	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	30.2	0.20%	1.1	2,255	14.0	4,206	7.2	-	23.1%	Link
CTG	Ngân hàng	32.6	-0.30%	1.2	6,946	5.0	3,751	8.7	-	26.2%	Link
ACB	Ngân hàng	24.2	-0.20%	0.8	4,297	4.8	4,072	6.0	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	34.6	-0.30%	1.2	2,069	10.5	1,704	20.3	-	42.9%	Link
IDC	Xây dựng	62.0	1.60%	1.2	812	5.4	5,880	10.5	65,700	24.2%	Link
HPG	VLXD	28.8	0.50%	1.1	7,309	21.1	1,601	18.0	41,500	24.6%	Link
HSG	VLXD	25.4	1.60%	1.7	620	15.9	1,423	17.8	25,300	21.0%	Link
VHM	BĐS	38.0	-1.20%	1.1	6,565	11.9	5,074	7.5	108,300	16.1%	Link
KDH	BĐS	37.2	-2.90%	1.4	1,180	7.5	726	51.3	44,500	39.4%	Link
NLG	BĐS	44.1	0.20%	1.4	673	6.2	1,040	42.4	-	48.2%	Link
DGC	Hóa chất	127.3	1.80%	1.4	1,918	20.1	7,845	16.2	115,000	18.9%	Link
DCM	Phân bón	40.1	6.90%	1.3	842	27.4	2,313	17.3	38,700	8.5%	Link
GAS	Dầu khí	78.7	0.10%	0.6	7,171	2.5	4,688	16.8	-	1.9%	Link
PVS	Dầu khí	43.0	0.70%	1.1	815	4.7	1,992	21.6	57,000	21.0%	Link
PVD	Dầu khí	30.3	1.30%	1.3	668	5.6	1,200	25.2	38,400	16.5%	Link
POW	Dầu khí	15.0	3.10%	0.7	1,398	9.5	350	43.1	17,100	4.3%	Link
VHC	Thủy sản	73.2	0.30%	1.1	652	1.6	3,774	19.4	108,500	29.8%	Link
GMD	Logistics	84.0	0.50%	0.8	1,035	5.5	8,430	10.0	90,400	47.6%	Link
VNM	Bán lẻ	67.6	0.60%	0.7	5,605	13.3	4,408	15.3	93,100	50.0%	Link
MSN	Bán lẻ	76.2	-0.70%	1.3	4,574	18.0	215	353.8	110,000	29.0%	Link
MWG	Bán lẻ	67.0	2.10%	1.4	3,886	27.8	717	93.4	-	47.3%	Link
PNJ	Bán lẻ	95.4	0.40%	1.0	1,266	3.8	5,860	16.3	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	65.1	0.90%	1.7	432	5.5	2,200	29.6	66,600	23.9%	Link
FPT	Bán lẻ	139.6	0.60%	1.0	8,089	32.5	5,335	26.2	107,900	46.2%	Link
CTR	Hạ tầng	147.6	-1.60%	1.2	670	2.6	4,582	32.2	-	10.9%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	24.4	0.00%	0.9	2,820	7.1	3,809	6.4	1.6	17.6%	25.4%
VIB	Ngân hàng	21.3	0.50%	1.1	2,144	1.9	3,315	6.4	1.4	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	17.8	0.30%	1.2	1,550	9.0	2,050	8.7	1.1	28.2%	13.7%
MSB	Ngân hàng	14.6	-0.70%	1.2	1,154	2.0	2,310	6.3	0.9	29.2%	16.0%
EIB	Ngân hàng	18.8	-1.30%	1.0	1,298	6.8	1,147	16.4	1.4	3.0%	10.1%
HCM	Chứng khoán	27.4	0.20%	1.6	764	3.4	1,175	23.3	2.2	45.0%	8.3%
VCI	Chứng khoán	47.2	0.20%	1.7	828	3.6	1,409	33.5	2.5	18.9%	7.1%
VND	Chứng khoán	16.4	-1.50%	1.5	988	5.7	2,057	7.9	1.2	13.0%	13.1%
BSI	Chứng khoán	52.4	0.20%	1.7	422	1.2	2,208	23.7	2.2	39.8%	9.0%
SHS	Chứng khoán	17.4	-1.10%	1.7	561	6.0	1,076	16.2	1.3	9.4%	5.7%
CTD	Xây dựng	72.7	1.30%	1.2	288	2.5	2,709	26.8	0.9	46.8%	2.3%
HHV	Xây dựng	12.6	0.80%	1.5	206	1.2	833	15.1	0.6	8.2%	4.2%
LCG	Xây dựng	11.4	0.40%	1.6	87	0.5	655	17.3	0.9	2.2%	4.6%
SZC	Xây dựng	40.9	3.80%	1.2	292	2.6	1,515	27.0	2.5	3.1%	13.4%
SIP	Xây dựng	92.9	2.70%	1.4	670	1.5	5,701	16.3	4.4	1.5%	26.9%
PHR	BĐS KCN	62.7	2.10%	1.0	337	1.1	3,448	18.2	2.3	18.4%	18.3%
DIG	BĐS	26.4	-1.90%	1.7	638	14.9	(38)	-686.4	2.1	4.2%	2.1%
CEO	BĐS	16.6	-0.60%	1.3	339	1.8	312	53.2	1.4	4.7%	2.4%
KBC	BĐS KCN	28.6	-1.60%	1.5	870	6.1	1,262	22.6	1.2	20.5%	11.7%
VGC	BĐS KCN	52.8	1.00%	1.1	939	0.5	2,746	19.2	2.9	5.1%	12.5%
GVR	BĐS KCN	36.5	4.00%	1.4	5,792	9.6	628	58.1	2.9	0.5%	6.2%
NKG	VLXD	25.2	2.90%	1.6	264	5.8	1,222	20.7	1.2	14.9%	2.3%
BMP	Vật liệu	98.0	-1.20%	1.0	318	0.6	11,594	8.5	2.8	83.5%	39.1%
IJC	Hạ tầng	15.2	1.30%	1.5	229	1.1	865	17.6	1.3	4.6%	10.3%
DXG	BĐS	14.4	-4.00%	1.7	412	16.2	420	34.3	1.0	19.3%	1.1%
VRE	Bất động sản	20.3	-2.40%	1.2	1,830	14.9	1,966	10.3	1.2	25.0%	12.4%
PDR	Bất động sản	23.0	-2.90%	1.7	798	5.4	964	23.9	1.8	8.0%	7.2%
DIG	Bất động sản	26.4	-1.90%	1.7	638	14.9	(38)	-686.4	2.1	4.2%	2.1%
HUT	Xây dựng	17.2	0.00%	1.3	609	0.6	73	235.4	1.5	1.5%	0.7%
C4G	Xây dựng	9.8	-1.00%	1.4	-	0.3	433	22.6	0.9	0.0%	4.9%
CSV	Hóa chất	36.0	7.00%	1.7	158	3.4	4,370	8.2	1.1	4.0%	16.1%
DHC	Hóa chất	40.4	-0.40%	1.2	129	0.4	3,461	11.7	1.7	40.0%	17.2%
DRC	Cao su	36.2	0.70%	0.8	171	2.9	2,286	15.9	2.3	13.3%	13.2%
PC1	Điện	29.6	1.00%	1.3	365	5.4	651	45.4	1.7	10.1%	4.1%
HDG	BĐS	30.6	3.70%	1.3	408	11.8	2,061	14.8	1.5	15.9%	12.9%
GEX	Điện	22.8	0.00%	1.8	770	8.0	625	36.5	1.6	8.9%	4.1%
QTP	Điện	16.7	1.80%	0.5	-	0.5	1,549	10.8	1.4	1.3%	10.8%
PLX	O&G	46.5	5.80%	1.0	2,344	9.8	2,570	18.1	2.2	17.7%	10.7%
BSR	O&G	23.2	1.80%	1.2	-	8.8	2,588	9.0	1.2	0.7%	15.6%
PLC	O&G	27.0	-0.70%	1.5	87	0.2	1,112	24.3	1.6	0.3%	8.4%
ANV	Thủy sản	34.0	1.20%	1.4	179	1.9	(252)	-134.4	1.6	0.8%	1.5%
PTB	Gỗ	72.9	1.20%	0.6	194	0.5	4,765	15.3	1.8	24.9%	10.6%
VSC	Logistics	22.4	0.70%	1.3	237	5.5	532	42.0	2.0	2.8%	6.2%
HAH	Logistics	46.2	1.20%	1.2	223	9.0	3,081	15.0	1.8	11.2%	12.1%
VTP	Logistics	86.3	-1.70%	1.5	417	3.1	2,980	29.0	6.4	7.4%	25.6%
DBC	Logistics	35.4	0.40%	1.7	340	8.9	1,729	20.5	1.8	11.8%	0.5%
FRT	Bán lẻ	183.0	1.70%	0.7	989	3.9	(2,215)	-82.6	14.8	36.0%	11.8%
QNS	Bán lẻ	49.5	0.20%	0.6	-	0.8	6,737	7.3	2.0	15.1%	27.3%
TNG	Dệt may	28.1	1.80%	1.2	127	5.3	1,981	14.2	1.8	18.9%	12.5%
PVT	O&G	30.7	2.00%	1.0	434	4.6	3,150	9.7	1.4	14.2%	14.3%
DPM	Phân bón	38.8	3.70%	1.3	603	12.0	1,372	28.3	1.3	8.5%	4.2%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Báo cáo tháng 04/2024_SBV chủ động thực hiện các biện pháp ổn định tỷ giá và lãi suất	x		Click
2	BSC_Báo cáo tháng 03/2024_Câu chuyện tỷ giá và thị trường chứng khoán	x		Click
3	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
4	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
9	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
10	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
11	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
12	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639